CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VỆ SINH CÔNG NGHIỆP ĐÀ NẴNG SONGANHHYG

Hóa chất Diệt côn trùng (BASF Fendona & Storm, Permecide, Topfly, Map Pacific, Perme UK, Viper, Cypado, Syngenta Icon)

Danh mục 9 chế phẩm diệt côn trùng và bả kiểm soát dịch hại thực tế tại SONGANHHYG, đầy đủ Số ĐKLH hợp lệ (Bộ Y tế / Cục BVTV), ảnh bao bì, nhãn thực tế, SDS, TDS, giải độc sơ cứu và giới hạn khu vực sử dụng.

Địa chỉ: K57/10 Giang Văn Minh, Hòa Thuận Tây, Hải Châu, Đà Nẵng · Hotline: 0905 751 566 · Phụ trách phê duyệt: Ms. Mỹ Anh

Kiểm soát Pháp lý & An toàn Diệt côn trùng Y tế (Hạng B / Hạng C)

Tất cả chế phẩm diệt côn trùng và diệt chuột tại SONGANHHYG phải còn hiệu lực Số Đăng ký Lưu hành do Bộ Y tế (Cục Quản lý Môi trường Y tế) hoặc Cục Bảo vệ thực vật cấp hợp lệ, chỉ cấp phát cho Kỹ thuật viên được đào tạo và có Lệnh công tác phê duyệt. Cấm tuyệt đối phun sương khi trong khu vực còn nhân viên, thực phẩm hở, vật nuôi hoặc hệ thống điều hòa chưa chuyển gió tuần hoàn kín.

ẢNH SẢN PHẨM THỰC TẾ



NHÃN THỰC TẾ BAO BÌ



HỒ SƠ PHÊ DUYỆT NỘI BỘ

Hạng C — Phê duyệt chuyên biệt (Cấm tạp vụ)

Mã số: SAH-APR-PCS-01

Tình trạng: Phê duyệt chuyên biệt (Hạng C)

Người phê duyệt: Ms. Mỹ Anh — Giám đốc Điều hành & Bộ phận Kỹ thuật An toàn Hóa chất (HSE), SONGANHHYG

Hiệu lực: 2026-01-01 (12 tháng/lần (hoặc ngay khi NSX/Bộ Y tế gia hạn ĐKLH/SDS))

Người được cấp: Chỉ Kỹ thuật viên Kiểm soát Côn trùng đã đào tạo SAH-CHM-08 & có Lệnh công tác (CẤM tạp vụ sử dụng)

SAH-APR-PCS-01

BASF · Pháp / CHLB Đức (SX: BASF Agri-Production SAS, Genay, Pháp; ĐK: Công ty TNHH BASF Việt Nam)

Số ĐKLH: VNDP-HC-025-10-15 (Bộ Y tế — Cục Quản lý Môi trường Y tế, 074.20R/GCN)

Fendona® 10SC

Phân nhóm: Mục 2: Hóa chất diệt côn trùng

Hoạt chất & Số CAS	**Alpha-Cypermethrin 10% w/v (100 g/L; ~9,6% w/w theo SDS BASF VN)** · CAS: 67375-30-8 · Dạng thuốc: **SC (Huyền phù đậm đặc / Suspension Concentrate — không mùi, không gây hoen ố bề mặt)**
Số ĐKLH & Phân loại GHS	VNDP-HC-025-10-15 (Bộ Y tế — Cục Quản lý Môi trường Y tế, 074.20R/GCN) · **Warning (Cảnh báo)** Acute Toxicity Oral Cat. 5 (H303), Aquatic Acute Cat. 1 (H400), Aquatic Chronic Cat. 1 (H410)
Quy cách đóng gói	Chai 1 Lít / 500 mL / 50 mL / Gói 5 mL (phân phối chính hãng qua Hợp Trí Summit / NPP BASF)
Đối tượng diệt trừ	Muỗi, ruồi, kiến, gián, bọ chét, kiến ba khoang
Liều pha & Khóa định lượng	**Phun tường/vách tồn lưu: Pha 5 mL Fendona 10SC vào 1 Lít nước sạch (phun cho 20 m^2 bề mặt); Tẩm mùng (màn): Pha 5 mL vào 1 Lít nước sạch cho 1 mùng đôi** · *Gói đơn 5 mL hoặc cốc chia vạch chuẩn 5–50 mL cho bình phun áp lực thấp 5L–10L; lắc đều chai trước khi đong*
Khu vực ĐƯỢC PHÉP	Tường vách, gầm tủ, khe kẹt hành lang, khách sạn, bệnh viện, văn phòng ngoài giờ, nhà kho, khu công nghiệp
Khu vực BỊ CẤM / Hạn chế	**CẤM phun trực tiếp lên thực phẩm hở, dụng cụ ăn uống, nguồn nước sinh hoạt, bể cá và khi trong phòng còn người/vật nuôi**
PPE & Thời gian cách ly	Kính bảo hộ chống văng bắn, khẩu trang lọc hạt/hơi mịn, găng tay Nitrile/cao su, quần áo bảo hộ dài tay, giày ủng kín · Cách ly: **45 – 60 phút sau khi phun và chờ bề mặt khô hoàn toàn, thông gió tự nhiên trước khi bàn giao**
Giải độc & Sơ cứu	Không có thuốc giải độc đặc hiệu (điều trị theo triệu chứng; xem xét kem Vitamin E nếu dị cảm da pyrethroid). Mắt: Rửa ngay dưới vòi nước sạch >= 15 phút. Da: Cởi đồ nhiễm, rửa xà phòng và nhiều nước. Nuốt phải: Súc miệng, uống 200–300 mL nước, KHÔNG tự gây nôn, đưa ngay tới cơ sở y tế kèm nhãn & SDS BASF (Hotline BASF VN: 1800 1703).
Nguồn hồ sơ SDS / TDS	SDS: Tài liệu gốc NSX/NPP TDS: Bản chuẩn hóa TV từ dữ liệu NSX **SDS:** Bản PDF SDS gốc từ Nhà sản xuất (BASF Vietnam Co. Ltd., 30221413/SDS_GEN_VN/EN, Rev 4.0 ngày 18/11/2025) **TDS:** Bản chuẩn hóa Thông số Kỹ thuật (TDS) SONGANHHYG tổng hợp từ Giấy chứng nhận ĐKLH VNDP-HC-025-10-15, SDS BASF VN & Hợp Trí Summit **Ghi chú:** Huyền phù siêu mịn bám dính tốt trên tường gạch, xi măng, gỗ; hiệu lực tồn lưu 4–6 tháng theo công bố ĐKLH Bộ Y tế.

Mở SDS (.pdf) | Mở TDS (.pdf) | Phiếu Nhãn Đối Chiếu A4 (.pdf)

ẢNH SẢN PHẨM THỰC TẾ



NHÃN THỰC TẾ BAO BÌ



HỒ SƠ PHÊ DUYỆT NỘI BỘ

Hạng C — Phê duyệt chuyên biệt (Cấm tạp vụ)

Mã số: SAH-APR-PCS-02

Tình trạng: Phê duyệt chuyên biệt (Hạng C)

Người phê duyệt: Ms. Mỹ Anh — Giám đốc Điều hành & Bộ phận Kỹ thuật An toàn Hóa chất (HSE), SONGANHHYG

Hiệu lực: 2026-01-01 (12 tháng/lần (hoặc ngay khi NSX/Cục BVTV gia hạn ĐKLH/SDS))

Người được cấp: Chỉ Kỹ thuật viên Kiểm soát Dịch hại đã đào tạo SAH-CHM-08 & có sơ đồ trạm bả (CẤM tạp vụ sử dụng)

SAH-APR-PCS-02

BASF · Vương quốc Anh / CHLB Đức (SX: BASF PLC, Widnes, Cheshire, UK; ĐK: Công ty TNHH BASF Việt Nam)

Số ĐKLH: 1688/CNĐKT-BVTV (Cục Bảo vệ Thực vật — Bộ NN&PTNT, hiệu lực 10/07/2024 – 10/07/2029)

Storm® 0.005% Block Bait

Phân nhóm: Mục 2: Hóa chất diệt côn trùng

Hoạt chất & Số CAS	**Flocoumafen 0.005% w/w (50 mg/kg; chất chống đông máu đơn liều thế hệ 2, bổ sung chất gây đắng)** · CAS: 90035-08-8 · Dạng thuốc: **BB (Block Bait — Bả viên ngũ cốc ép nguội sẵn dùng, không cần trộn thêm mồi)**
Số ĐKLH & Phân loại GHS	1688/CNĐKT-BVTV (Cục Bảo vệ Thực vật – Bộ NN&PTNT, hiệu lực 10/07/2024 – 10/07/2029) · **Warning (Cảnh báo)** STOT RE Cat. 2 (H373: Có thể gây tổn thương cơ quan máu qua phơi nhiễm kéo dài); Độc cấp tính loại 5 GHS
Quy cách đóng gói	Gói 20 viên (80 g) / Gói 1 kg / Túi 4 viên — viên nén ngũ cốc ép nguội 4 g (hoặc 20 g) màu xanh lam chứa Bitrex
Đối tượng diệt trừ	Chuột cống, chuột nhà, chuột nhắt, chuột đồng
Liều pha & Khóa định lượng	**Đặt bả nguyên viên KHÔNG trộn mồi: Quần cư 100–200 bả/ha; trước cửa hang 1–2 viên; dọc đường chuột chạy cách 5–10 m đặt 1–2 viên trong hộp bả khóa; bổ sung sau 7 ngày (đợt 14–21 ngày)** · *Bắt buộc đặt cố định bên trong hộp trạm bả chuột (Bait Station) có khóa an toàn và tem cảnh báo Hạng C; gắp bằng kẹp/găng tay*
Khu vực ĐƯỢC PHÉP	Khu tập kết rác, cống rãnh, kho ngoại vi, vành đai tường rào, tầng hầm kỹ thuật, phòng máy (trong hộp trạm khóa kín)
Khu vực BỊ CẤM / Hạn chế	**CẤM đặt bả trần ngoài hộp khóa tại khu vực trẻ em, vật nuôi tiếp cận được, trên mặt bàn làm việc, khu chế biến thực phẩm hở, nguồn nước sinh hoạt**
PPE & Thời gian cách ly	Găng tay cao su/Nitrile chống hóa chất khi đặt bả và thu gom bả dư/xác chuột; rửa tay sạch bằng xà phòng ngay sau thao tác · Cách ly: **0 phút cách ly lưu thông (bả rắn đặt kín trong hộp trạm có khóa; KTV kiểm tra thu hồi định kỳ 3–7 ngày/lần)**
Giải độc & Sơ cứu	THUỐC GIẢI ĐỘC ĐẶC HIỆU: Vitamin K1 (Phytomenadione) tiêm tĩnh mạch/uống theo chỉ định bác sĩ (theo dõi đông máu PT/INR). Nuốt phải: Súc miệng ngay, uống 200–300 mL nước, đưa ngay tới cơ sở y tế kèm bao bì & SDS BASF. Mắt: Rửa nước sạch >= 15 phút. Da: Rửa sạch xà phòng & nước.
Nguồn hồ sơ SDS / TDS	**SDS: Tài liệu gốc NSX/NPP** **TDS: Bản chuẩn hóa TV từ dữ liệu NSX** **SDS:** Bản PDF SDS gốc từ Nhà sản xuất (BASF 30470221/SDS_GEN_PH/EN, Rev 8.0 ngày 21/08/2026) **TDS:** Bản chuẩn hóa Thông số Kỹ thuật (TDS) SONGANHHYG tổng hợp từ Giấy chứng nhận 1688/CNĐKT-BVTV, SDS BASF & Hợp Trí Summit **Ghi chú:** Chuột ăn góc viên ~1,25 g đủ liều gây xuất huyết chậm 3–5 ngày nên không nhát mồi; đã bổ sung chất gây đắng an toàn chống nuốt nhầm.

Mở SDS (.pdf) **Mở TDS (.pdf)** **Phiếu Nhãn Đối Chiếu A4 (.pdf)**

ẢNH SẢN PHẨM THỰC TẾ



NHÃN THỰC TẾ BAO BÌ



HỒ SƠ PHÊ DUYỆT NỘI BỘ

Hạng C — Phê duyệt chuyên biệt (Cấm tạp vụ)

Mã số: SAH-APR-PCS-03

Tình trạng: Phê duyệt chuyên biệt (Hạng C)

Người phê duyệt: Ms. Mỹ Anh — Giám đốc Điều hành & Bộ phận Kỹ thuật An toàn Hóa chất (HSE), SONGANHHYG

Hiệu lực: 2026-01-01 (12 tháng/lần (Giấy chứng nhận 165.24R/GCN hiệu lực đến 05/06/2029))

Người được cấp: Chỉ Kỹ thuật viên Kiểm soát Côn trùng đã đào tạo SAH-CHM-08 & có Lệnh công tác (CẤM tạp vụ sử dụng)

SAH-APR-PCS-03

Hợp Trí · Việt Nam (SX & ĐK: Công ty Cổ phần Đầu tư Hợp Trí / Hợp Trí Summit, KCN Hiệp Phước, Nhà Bè, TP.HCM)

Số ĐKLH: VNDP-HC-399-06-14 (Bộ Y tế — Cục Quản lý Môi trường Y tế, 165.24R/GCN, hiệu lực 06/06/2024 – 05/06/2029)

Permecide 50EC

Phân nhóm: Mục 2: Hóa chất diệt côn trùng

Hoạt chất & Số CAS	**Permethrin (cis/trans 40/60) 50% w/v (500 g/L)** · CAS: 52645-53-1 · Dạng thuốc: **EC (Nhũ dầu đậm đặc / Emulsifiable Concentrate — mùi nhẹ)**
Số ĐKLH & Phân loại GHS	VNDP-HC-399-06-14 (Bộ Y tế – Cục Quản lý Môi trường Y tế, 165.24R/GCN, hiệu lực 06/06/2024 – 05/06/2029) · **Warning (Cảnh báo)** Flammable Liquid Cat. 3 (H226: Điểm chớp cháy 44°C), Aquatic Acute Cat. 1 (H400); UN 3082
Quy cách đóng gói	Chai 1 Lít / Chai 100 mL / Chai 50 mL
Đối tượng diệt trừ	Muỗi, ruồi (hỗ trợ diệt gián, kiến, bọ chét trong gia dụng & y tế)
Liều pha & Khóa định lượng	**Phun ULV: Pha 1 Lít chế phẩm với 10 Lít nước (hoặc dầu diesel), áp dụng 5 mL/nhà 50 m^3 hoặc 0,5 Lít/ha; Phun tồn lưu: Pha 100 mL với 5 Lít nước (phun 50 mL/m^2 = 0,5 g a.i./m^2, tồn lưu 2 tháng)** · *Cốc đong chia vạch 100–1000 mL dùng riêng cho máy ULV hoặc bình phun tồn lưu; tránh xa tia lửa/nhiệt độ cao (FP 44°C)*
Khu vực ĐƯỢC PHÉP	Văn phòng ngoài giờ, nhà kho, bãi rác, sân vườn, hành lang kỹ thuật, trường học, bệnh viện, khu dân cư (khi không có người)
Khu vực BỊ CẤM / Hạn chế	**CẤM phun khi có người, trẻ nhỏ, người bệnh, vật nuôi, thực phẩm hở; CẤM phun gần ngọn lửa trần/tia lửa điện (H226) và ao hồ nuôi thủy sản**
PPE & Thời gian cách ly	Kính bảo hộ chống văng bắn, khẩu trang lọc hơi hữu cơ, găng tay cao su chịu dung môi, quần áo bảo hộ, mũ, ủng cao su · Cách ly: **45 – 60 phút sau khi phun và thông gió hoàn toàn trước khi cho người/vật nuôi quay lại**
Giải độc & Sơ cứu	Không có thuốc giải độc đặc hiệu (điều trị triệu chứng). Mắt: Rửa ngay dưới vòi nước sạch >= 15 phút. Da: Thay đồ bẩn, rửa kỹ bằng xà phòng & nước sạch. Hít phải: Đưa ra nơi thoáng khí. Nuốt phải: KHÔNG tự gây nôn, đưa ngay tới cơ sở y tế kèm nhãn & SDS Hợp Trí Summit.
Nguồn hồ sơ SDS / TDS	**SDS: Tài liệu gốc NSX/NPP** **TDS: Bản chuẩn hóa TV từ dữ liệu NSX** **SDS:** Bản PDF SDS gốc từ Nhà sản xuất (Công ty CP Hợp Trí Summit — tiếng Việt 6 trang) **TDS:** Bản chuẩn hóa Thông số Kỹ thuật (TDS) SONGANHHYG tổng hợp từ Giấy chứng nhận VNDP-HC-399-06-14 (hiệu lực đến 05/06/2029) & Website Hợp Trí Summit **Ghi chú:** Chế phẩm chủ lực phun không gian ULV và tồn lưu phòng chống muỗi sốt xuất huyết; có chất trợ lực chống kháng.

Mở SDS (.pdf) **Mở TDS (.pdf)** **Phiếu Nhãn Đối Chiếu A4 (.pdf)**

ẢNH SẢN PHẨM THỰC TẾ



NHÃN THỰC TẾ BAO BÌ



HỒ SƠ PHÊ DUYỆT NỘI BỘ

Hạng C — Phê duyệt chuyên biệt (Cấm tạp vụ)

Mã số: SAH-APR-PCS-04

Tình trạng: Phê duyệt chuyên biệt (Hạng C)

Người phê duyệt: Ms. Mỹ Anh — Giám đốc Điều hành & Bộ phận Kỹ thuật An toàn Hóa chất (HSE), SONGANHHYG

Hiệu lực: 2026-01-01 (12 tháng/lần (SDS Hợp Trí sửa đổi 10/07/2025, ĐKLH VNDP-HC-114-12-24))

Người được cấp: Chỉ Kỹ thuật viên Kiểm soát Côn trùng đã đào tạo SAH-CHM-08 & có Lệnh công tác (CẤM tạp vụ sử dụng)

SAH-APR-PCS-04

Hợp Trí · Việt Nam (SX & ĐK: Công ty Cổ phần Đầu tư Hợp Trí / Hợp Trí Summit, KCN Hiệp Phước, Nhà Bè, TP.HCM)

Số ĐKLH: VNDP-HC-114-12-24 (Bộ Y tế — Cục Quản lý Môi trường Y tế; cấp đổi từ VNDP-HC-025-02-19)

Topfly 10WG

Phân nhóm: Mục 2: Hóa chất diệt côn trùng

Hoạt chất & Số CAS	**Thiamethoxam 10% w/w + Z-9-Tricosene 0.05% w/w (chất dẫn dụ giới tính, đường tinh luyện, sữa bột bắp)** · CAS: 153719-23-4; 27519-02-4 · Dạng thuốc: **WG (Cốm phân tán trong nước / Water Dispersible Granule — pH 6,5–8,5 dung dịch 1%)**
Số ĐKLH & Phân loại GHS	VNDP-HC-114-12-24 (Bộ Y tế – Cục Quản lý Môi trường Y tế; cấp đổi từ VNDP-HC-025-02-19) · **Warning (Cảnh báo)** UN 3077 (Có thể có hại nếu nuốt phải; Có hại với sinh vật thủy sinh — theo SDS Hợp Trí Summit 10/07/2025)
Quy cách đóng gói	Gói 20 g / Hũ-Chai 400 g (dạng hạt cốm tan trong nước)
Đối tượng diệt trừ	Ruồi nhà, ruồi nhặng, ruồi xanh trong gia dụng & y tế
Liều pha & Khóa định lượng	**Sơn quét bìa bả: Pha gói 20 g với 16 mL nước ấm ~40°C (hoặc 400 g với 320 mL nước), quét lên tấm bìa 10×30 cm (1 bìa/5 m², gói 20 g dùng 8–10 m²); Phun áp lực thấp: Pha 400 g trong 3,2 L nước (hoặc 20 g/160 mL) phun 100–150 m², hiệu lực 30 ngày** · *Sử dụng nguyên gói định lượng sẵn 20 g + ống đong 16 mL nước ấm hoặc quét gián tiếp lên tấm bìa cứng dán nhãn cảnh báo Hạng C*
Khu vực ĐƯỢC PHÉP	Khu tập kết rác, canteen ngoài giờ, hành lang dịch vụ nhà hàng/khách sạn, bãi rác, khu chế biến thực phẩm (đặt bìa quét bả nơi ruồi hay đậu)
Khu vực BỊ CẤM / Hạn chế	**KHÔNG quét hoặc phun trực tiếp lên mặt bàn ăn, thực phẩm hở, thức ăn chăn nuôi, bề mặt tiếp xúc thực phẩm trực tiếp hoặc tầm với trẻ em/vật nuôi**
PPE & Thời gian cách ly	Quần áo bảo hộ, găng tay, khẩu trang chống bụi hạt, kính bảo hộ khi pha và phun · Cách ly: **Phun áp lực thấp: Cách ly 45 phút sau khi phun; Sơn quét lên tấm bìa đặt cố định: 0 phút cách ly phòng**
Giải độc & Sơ cứu	Không có thuốc giải độc đặc hiệu (điều trị theo triệu chứng). Mắt: Giữ mắt mở rửa nước sạch 15 phút. Da: Thay đồ bẩn, rửa kỹ bằng nước sạch với xà phòng. Hít phải: Đưa ra nơi thoáng khí. Nuốt phải: Chuyển ngay tới cơ sở y tế gần nhất kèm nhãn & SDS Hợp Trí.
Nguồn hồ sơ SDS / TDS	**SDS: Tài liệu gốc NSX/NPP** **TDS: Bản chuẩn hóa TV từ dữ liệu NSX** **SDS:** Bản PDF SDS gốc từ Nhà sản xuất (Công ty CP Hợp Trí Summit — tiếng Việt 6 trang, bản sửa đổi 10/07/2025) **TDS:** Bản chuẩn hóa Thông số Kỹ thuật (TDS) SONGANHHYG tổng hợp từ SDS Hợp Trí Summit (VNDP-HC-114-12-24) & Website Hợp Trí Summit **Ghi chú:** Cơ chế dẫn dụ kép pheromone Z-9-Tricosene + đường sữa thu hút ruồi cực mạnh; hiệu lực tồn lưu trên 30 ngày.

Mở SDS (.pdf) **Mở TDS (.pdf)** **Phiếu Nhãn Đối Chiếu A4 (.pdf)**

ẢNH SẢN PHẨM THỰC TẾ



NHÃN THỰC TẾ BAO BÌ



HỒ SƠ PHÊ DUYỆT NỘI BỘ

Hạng C — Phê duyệt chuyên biệt (Cấm tạp vụ)

Mã số: SAH-APR-PCS-05

Tình trạng: Phê duyệt chuyên biệt (Hạng C)

Người phê duyệt: Ms. Mỹ Anh — Giám đốc Điều hành & Bộ phận Kỹ thuật An toàn Hóa chất (HSE), SONGANHHYG

Hiệu lực: 2026-01-01 (12 tháng/lần (đối chiếu lô hàng & gia hạn ĐKLH VNDP-HC-079-02-21))

Người được cấp: Chỉ Kỹ thuật viên Kiểm soát Côn trùng đã đào tạo SAH-CHM-08 & có Lệnh công tác (CẤM tạp vụ sử dụng)

SAH-APR-PCS-05

Map Pacific · Singapore / Việt Nam (SX: Công ty TNHH Map Pacific Singapore, KCN Long Bình AMATA, Đồng Nai; nguyên liệu từ Monte Chemicals Pte. Ltd Singapore)

Số ĐKLH: VNDP-HC-079-02-21 (Bộ Y tế — Cục Quản lý Môi trường Y tế, 079.21/GCN)

Map Permethrin 50EC

Phân nhóm: Mục 2: Hóa chất diệt côn trùng

Hoạt chất & Số CAS	**Permethrin 50% w/v (47,5 – 52,5% w/v theo MSDS Map Pacific VN; $C_{21}H_{20}Cl_2O_3$)** · CAS: 52645-53-1 · Dạng thuốc: **EC (Nhũ dầu đậm đặc / Emulsifiable Concentrate — dung dịch vàng nhạt, pH 4–6 mẫu 1%)**
Số ĐKLH & Phân loại GHS	VNDP-HC-079-02-21 (Bộ Y tế – Cục Quản lý Môi trường Y tế, 079.21/GCN) · **Warning (Cảnh báo)** Nhóm 9 (Có hại nếu nuốt/hít phải; Rất độc đối với sinh vật thủy sinh H400/H410; UN 3077 Class 9 PG III)
Quy cách đóng gói	Chai 1 Lít / Chai 100 mL (Hạn dùng 36 tháng kể từ NSX)
Đối tượng diệt trừ	Muỗi truyền bệnh sốt rét, sốt xuất huyết (gia dụng & y tế)
Liều pha & Khóa định lượng	**Phun tồn lưu: Pha 20 mL với 1 Lít nước, phun 1 Lít/25 m^2 bề mặt (tồn lưu 90 ngày); Phun ULV ngoài nhà: Pha 1 phần chế phẩm với 10 phần nước (0,5 Lít dung dịch pha/ha); Tẩm màn: Pha 6,6 mL với 693,4 mL nước cho màn 16 m^2 (tồn lưu 30 ngày)** · *Cốc đong chia vạch chuẩn 20–100 mL khóa tỷ lệ 1:50 (tồn lưu) hoặc 1:10 (ULV); KTV kiểm tra tem nhãn gốc Map Pacific trước khi pha*
Khu vực ĐƯỢC PHÉP	Khu vực văn phòng ngoài giờ, hành lang, nhà kho, ngoại vi tòa nhà, trường học, bệnh viện, khuôn viên cây xanh (không có người)
Khu vực BỊ CẤM / Hạn chế	**CẤM phun trong phòng có em bé, người bệnh, vật nuôi; CẤM để chảy xuống cống rãnh/hồ sông thủy sinh (LC50 cá 0,62 µg/L/96h); CẤM phun gần thực phẩm**
PPE & Thời gian cách ly	Mũ, kính bảo hộ, khẩu trang lọc hơi hữu cơ, áo quần bảo hộ chống hóa chất, găng tay chống hóa chất, giày ủng · Cách ly: **Tối thiểu 60 phút sau khi phun (theo công bố chính thức Map Pacific)**
Giải độc & Sơ cứu	Không có thuốc giải độc đặc hiệu (điều trị triệu chứng). Mắt: Giữ mắt mở rửa nhẹ dưới vòi nước 15–20 phút. Da: Cởi đồ nhiễm, rửa xà phòng & nước >= 15 phút. Hít: Đưa ra nơi thoáng mát. Nuốt: KHÔNG tự gây nôn trừ khi bác sĩ chỉ định, đưa ngay cơ sở y tế kèm nhãn & MSDS Map Pacific.
Nguồn hồ sơ SDS / TDS	SDS: Bản scan gốc NSX kèm tóm tắt TV TDS: Bản chuẩn hóa TV từ dữ liệu NSX **SDS:** Bản chuẩn hóa tiếng Việt kèm 6 trang Phiếu An toàn Hóa chất gốc có mộc đỏ Công ty TNHH Map Pacific Việt Nam **TDS:** Bản chuẩn hóa Thông số Kỹ thuật (TDS) SONGANHHYG tổng hợp từ Giấy chứng nhận VNDP-HC-079-02-21 & Website chính thức Map Pacific Singapore **Ghi chú:** Hạn dùng dài 36 tháng; tồn lưu tới 90 ngày theo Giấy chứng nhận 079.21/GCN Bộ Y tế; rất độc với cá/thủy sinh (LC50 0,62 µg/L).

Mở SDS (.pdf) | Mở TDS (.pdf) | Phiếu Nhãn Đối Chiếu A4 (.pdf)

ẢNH SẢN PHẨM THỰC TẾ



NHÃN THỰC TẾ BAO BÌ



HỒ SƠ PHÊ DUYỆT NỘI BỘ

Hạng C — Phê duyệt chuyên biệt (Cấm tạp vụ)

Mã số: SAH-APR-PCS-06

Tình trạng: Phê duyệt chuyên biệt (Hạng C)

Người phê duyệt: Ms. Mỹ Anh — Giám đốc Điều hành & Bộ phận Kỹ thuật An toàn Hóa chất (HSE), SONGANHHYG

Hiệu lực: 2026-01-01 (12 tháng/lần (đối chiếu lô hàng nhập khẩu & hiệu lực ĐKLH VNDP-HC-386-08-13))

Người được cấp: Chỉ Kỹ thuật viên Kiểm soát Côn trùng đã đào tạo SAH-CHM-08 & có Lệnh công tác (CẤM tạp vụ sử dụng)

SAH-APR-PCS-06

Alderelm / Hockley UK · Vương quốc Anh (SX: Alderelm Limited, Manchester M22 5LB, UK; ĐK tại VN: Công ty TNHH DV & TM Song Phương)

Số ĐKLH: VNDP-HC-386-08-13 (Bộ Y tế — Cục Quản lý Môi trường Y tế, xác thực trên nhãn sau chai)

Permethrin 50EC (Perme UK 50EC)

Phân nhóm: Mục 2: Hóa chất diệt côn trùng

Hoạt chất & Số CAS	**Permethrin (25:75) Technical 50% w/v + chất trợ lực Piperonyl Butoxide 10–30% + dung môi Hydrocarbons C9 Aromatics 10–30%** · CAS: 52645-53-1; 51-03-6; 78-83-1 · Dạng thuốc: **EC (Nhũ tương đậm đặc / Emulsifiable Concentrate — pH dung dịch pha loãng 3–6,5; FP 50°C SCC)**
Số ĐKLH & Phân loại GHS	VNDP-HC-386-08-13 (Bộ Y tế — Cục Quản lý Môi trường Y tế, xác thực trên nhãn sau chai) · **Danger (Nguy hiểm)** Flam. Liq. 3 (H226), Asp. Tox. 1 (H304), Eye Dam. 1 (H318), Skin Sens. 1 (H317), Acute Tox. 4 Inhalation (H332), STOT SE 3 (H335/H336), Aquatic Acute/Chronic 1 (H400/H410); UN 1993 Class 3 PG III
Quy cách đóng gói	Chai nhựa HDPE 1 Lít (1000 mL) nhập khẩu Anh Quốc, hạn dùng 3 năm
Đối tượng diệt trừ	Muỗi, gián, ruồi trong gia dụng và y tế
Liều pha & Khóa định lượng	**Phun tồn lưu diệt muỗi: 250 mL / 10 Lít nước (1 Lít dung dịch pha phun 20 m² tường); Phun diệt gián: 50 mL / 10 Lít nước vào góc tường; Phun ULV: 100 mL / 1 Lít nước (20 mL/nhà hoặc 1 Lít/ha); Tấm màn: 3,6 mL/377 mL (màn đơn) hoặc 6,6 mL/695 mL (màn đôi)** · *Ống đong chia vạch dùng riêng tại khu vực thông gió tốt, cách ly tuyệt đối nguồn nhiệt/tia lửa (Flam. Liq. 3, FP 50°C)*
Khu vực ĐƯỢC PHÉP	Văn phòng ngoài giờ, trường học, bệnh viện, khách sạn, chung cư, nhà máy, kho xưởng, hành lang kỹ thuật (khi không có người)
Khu vực BỊ CẤM / Hạn chế	**CẤM phun trong phòng có trẻ em/người bệnh; CẤM tiếp xúc kim loại nhạy cảm (trừ nhôm & thiếc); CẤM gần nguồn lửa trần/tia lửa điện; CẤM xả xuống cống rãnh/nguồn nước**
PPE & Thời gian cách ly	Kính bảo hộ kín chống tổn thương mắt nghiêm trọng (H318), mặt nạ lọc hơi hữu cơ (EN 140/P2-A), găng tay Nitrile/Viton (0,4 mm), quần áo bảo hộ, ủng cao su · Cách ly: **Tối thiểu 30 – 60 phút sau khi phun và thông gió tự nhiên hoàn toàn trước khi mở cửa lại**
Giải độc & Sơ cứu	Không có thuốc giải độc đặc hiệu (điều trị triệu chứng; lưu ý nguy cơ sặc phổi H304 nếu nôn). Mắt: Rửa nước cất/nước sạch >= 15 phút và đưa khám cấp cứu gấp (H318). Da: Cởi đồ bẩn, rửa xà phòng & nhiều nước. Hít: Đưa ra vùng thoáng khí. Nuốt: KHÔNG gây nôn, súc miệng, đưa cấp cứu ngay kèm nhãn & SDS.
Nguồn hồ sơ SDS / TDS	**SDS: Tài liệu gốc NSX/NPP** **TDS: Bản chuẩn hóa TV từ dữ liệu NSX** **SDS:** Bản PDF SDS gốc tiếng Việt từ Nhà sản xuất (Alderelm Limited UK — Bảng dữ liệu an toàn 9 trang) **TDS:** Bản chuẩn hóa Thông số Kỹ thuật (TDS) SONGANHHYG tổng hợp từ Nhãn chai Perme UK 50EC (VNDP-HC-386-08-13) & SDS Alderelm Limited UK **Ghi chú:** Chế phẩm nhập khẩu nguyên chai từ Vương quốc Anh, chứa chất trợ lực Piperonyl Butoxide tăng hiệu lực hạ gục; lưu ý PCCC chất lỏng dễ cháy cấp 3.

Mở SDS (.pdf) **Mở TDS (.pdf)** **Phiếu Nhãn Đối Chiếu A4 (.pdf)**

ẢNH SẢN PHẨM THỰC TẾ



NHÃN THỰC TẾ BAO BÌ



HỒ SƠ PHÊ DUYỆT NỘI BỘ

Hạng C — Phê duyệt chuyên biệt (Cấm tạp vụ)

Mã số: SAH-APR-PCS-07

Tình trạng: Phê duyệt chuyên biệt (Hạng C)

Người phê duyệt: Ms. Mỹ Anh — Giám đốc Điều hành & Bộ phận Kỹ thuật An toàn Hóa chất (HSE), SONGANHHYG

Hiệu lực: 2026-01-01 (12 tháng/lần (hoặc ngay khi VIPESCO/Bộ Y tế cập nhật ĐKLH/SDS))

Người được cấp: Chỉ Kỹ thuật viên Kiểm soát Côn trùng đã đào tạo SAH-CHM-08 & có Lệnh công tác (CẤM tạp vụ sử dụng)

SAH-APR-PCS-07

Vipesco · Việt Nam (SX & ĐK: Công ty Cổ phần Thuốc sát trùng Việt Nam — VIPESCO, 102 Nguyễn Đình Chiểu, Q.1, TP.HCM)

Số ĐKLH: VNDP-HC-580-12-19 (Bộ Y tế — Cục Quản lý Môi trường Y tế, xác thực trên nhãn sau chai)

Viper 50EC (Viper 500EC)

Phân nhóm: Mục 2: Hóa chất diệt côn trùng

Hoạt chất & Số CAS	**Permethrin 50% w/v (500 g/L; phụ gia & dung môi vừa đủ 100%)** · CAS: 52645-53-1 · Dạng thuốc: **EC (Nhũ dầu đậm đặc / Emulsifiable Concentrate)**
Số ĐKLH & Phân loại GHS	VNDP-HC-580-12-19 (Bộ Y tế – Cục Quản lý Môi trường Y tế, xác thực trên nhãn sau chai) · **Warning (Cảnh báo)** Flammable Liquid Cat. 3 (H226), Acute Tox. Oral/Inhalation Cat. 4 (H302/H332), Skin Sens. 1 (H317), Aquatic Acute/Chronic Cat. 1 (H400/H410); UN 3082
Quy cách đóng gói	Chai nhựa 1 Lít (1000 mL), hạn dùng 2 năm kể từ ngày sản xuất
Đối tượng diệt trừ	Ruồi, muỗi trong gia dụng và y tế
Liều pha & Khóa định lượng	**Phun tồn lưu trừ ruồi, muỗi: Pha 20 mL với 1 Lít nước, phun cho 20 m² bề mặt (tồn lưu muỗi 1 tháng, ruồi 10 ngày); Phun ULV lạnh: Pha 1 Lít với 10 Lít nước (20 mL dung dịch pha/200 m³ hoặc 500 mL/ha); Phun ULV nhiệt: Pha 1 Lít với 100 Lít dầu Diesel (2 Lít/ha)** · *Cốc chia vạch chuẩn 20–1000 mL khóa định mức tại khu vực thông gió; phun ULV nhiệt chỉ thực hiện ngoài trời bằng máy chuyên dụng*
Khu vực ĐƯỢC PHÉP	Văn phòng ngoài giờ, trường học, bệnh viện, nhà hàng, khách sạn, bãi rác, cống rãnh ngoại vi (khi không có người)
Khu vực BỊ CẤM / Hạn chế	**CẤM phun khi còn người, vật nuôi, thực phẩm hở; CẤM phun ULV nhiệt trong phòng kín hoặc gần nguồn lửa; CẤM xả xuống ao hồ thủy sản**
PPE & Thời gian cách ly	Kính bảo hộ, khẩu trang lọc hơi hữu cơ, găng tay cao su chịu dung môi, quần áo bảo hộ dài tay, ủng cao su · Cách ly: **Ít nhất 30 phút sau khi phun theo nhãn NSX (khuyến nghị SONGANHHYG 45–60 phút thông gió sạch mùi trước bàn giao)**
Giải độc & Sơ cứu	Không có thuốc giải độc đặc hiệu (điều trị theo triệu chứng). Mắt: Rửa ngay dưới vòi nước sạch >= 15 phút. Da: Cởi đồ bẩn, rửa xà phòng & nước sạch. Hít phải: Đưa ra nơi thoáng khí. Nuốt phải: KHÔNG tự gây nôn, đưa ngay tới cơ sở y tế kèm nhãn chai Viper 500EC.
Nguồn hồ sơ SDS / TDS	**SDS: Bản chuẩn hóa TV từ dữ liệu NSX** **TDS: Bản chuẩn hóa TV từ dữ liệu NSX** **SDS:** Bản chuẩn hóa tiếng Việt đối chiếu từ Hồ sơ công bố NSX & Số ĐKLH Bộ Y tế (VIPESCO, VNDP-HC-580-12-19, chuẩn 16 mục TT 32/2017/TT-BCT) **TDS:** Bản chuẩn hóa Thông số Kỹ thuật (TDS) SONGANHHYG tổng hợp từ Công bố chính thức VIPESCO & Nhãn sau chai Viper 500EC (VNDP-HC-580-12-19) **Ghi chú:** Hỗ trợ đủ cả 3 phương pháp phun tồn lưu, ULV lạnh và ULV nhiệt dầu Diesel theo công bố chính thức VIPESCO.

Mở SDS (.pdf) **Mở TDS (.pdf)** **Phiếu Nhãn Đối Chiếu A4 (.pdf)**

ẢNH SẢN PHẨM THỰC TẾ



NHÃN THỰC TẾ BAO BÌ



HỒ SƠ PHÊ DUYỆT NỘI BỘ

Hạng C — Phê duyệt chuyên biệt (Cấm tạp vụ)

Mã số: SAH-APR-PCS-08

Tình trạng: Phê duyệt chuyên biệt (Hạng C)

Người phê duyệt: Ms. Mỹ Anh — Giám đốc Điều hành & Bộ phận Kỹ thuật An toàn Hóa chất (HSE), SONGANHHYG

Hiệu lực: 2026-01-01 (12 tháng/lần (hoặc ngay khi Á Đông Japan / Bộ Y tế cập nhật ĐKLH/SDS))

Người được cấp: Chỉ Kỹ thuật viên Kiểm soát Côn trùng đã đào tạo SAH-CHM-08 & có Lệnh công tác (CẤM tạp vụ sử dụng)

SAH-APR-PCS-08

Á Đông / Kiên Nam · Việt Nam (ĐK & PP: Công ty TNHH Á Đông Japan / EACHEM, TP.HCM; SX: Công ty CP Kiên Nam — hoạt chất Ấn Độ)

Số ĐKLH: VNDP-HC-486-04-15 (Bộ Y tế — Cục Quản lý Môi trường Y tế)

Cypado 25EC

Phân nhóm: Mục 2: Hóa chất diệt côn trùng

Hoạt chất & Số CAS	**Cypermethrin 25% w/v (250 g/L)** · CAS: 52315-07-8 · Dạng thuốc: **EC (Nhũ dầu đậm đặc / Emulsifiable Concentrate — dung dịch nâu sẫm, pha nước thành nhũ trắng sữa, mùi nhẹ)**
Số ĐKLH & Phân loại GHS	VNDP-HC-486-04-15 (Bộ Y tế – Cục Quản lý Môi trường Y tế) · **Warning (Cảnh báo)** Flammable Liquid Cat. 3 (H226), Acute Tox. Oral/Inhalation Cat. 4 (H302/H332), Skin Sens. 1 (H317), STOT SE 3 (H335), Aquatic Acute/Chronic Cat. 1 (H400/H410)
Quy cách đóng gói	Chai nhựa 1 Lít (1000 mL), hạn dùng 2 năm kể từ ngày sản xuất
Đối tượng diệt trừ	Muỗi, ruồi, gián trong gia dụng và y tế
Liều pha & Khóa định lượng	**Phun tồn lưu bề mặt tường, vách: Pha 20 mL Cypado 25EC trong 1 Lít nước sạch (1:50), phun 25 mL dung dịch pha cho 1 m² bề mặt; hiệu lực tồn lưu 30 ngày** · *Cốc chia vạch chuẩn 20 mL cho mỗi 1 Lít nước vào bình phun tay hoặc bình đeo vai; bảo quản nơi khô thoáng dưới 40°C*
Khu vực ĐƯỢC PHÉP	Tường vách trong nhà ngoài giờ, khu kỹ thuật nhà hàng/khách sạn, kho xưởng, trang trại, chung cư, công trình công cộng
Khu vực BỊ CẤM / Hạn chế	**CẤM phun khi còn người, vật nuôi, thực phẩm hở trong khu vực; CẤM đặt ở nhiệt độ > 40°C hoặc gần nguồn lửa; CẤM xả vào ao hồ/cống rãnh**
PPE & Thời gian cách ly	Kính bảo hộ chống văng bắn, khẩu trang lọc hơi hữu cơ, găng tay cao su chịu dung môi, quần áo bảo hộ dài tay, ủng cao su · Cách ly: **Ít nhất 30 phút sau khi phun theo nhãn chai Cypado 25EC (SONGANHHYG khóa 45 phút thông gió trước khi bàn giao)**
Giải độc & Sơ cứu	Không có thuốc giải độc đặc hiệu (điều trị triệu chứng; có thể dùng Vitamin E tại chỗ nếu dị cảm da pyrethroid). Mắt: Rửa nước sạch >= 15 phút. Da: Cởi đồ bẩn, rửa xà phòng & nước sạch. Hít phải: Ra nơi thoáng khí. Nuốt phải: KHÔNG tự gây nôn, đưa ngay cơ sở y tế kèm nhãn chai Cypado 25EC.
Nguồn hồ sơ SDS / TDS	SDS: Bản chuẩn hóa TV từ dữ liệu NSX TDS: Bản chuẩn hóa TV từ dữ liệu NSX **SDS:** Bản chuẩn hóa tiếng Việt đối chiếu từ Hồ sơ công bố NSX & Số ĐKLH Bộ Y tế (Á Đông Japan / Kiên Nam, VNDP-HC-486-04-15, chuẩn 16 mục TT 32/2017/TT-BCT) **TDS:** Bản chuẩn hóa Thông số Kỹ thuật (TDS) SONGANHHYG tổng hợp từ Nhãn gốc chai Cypado 25EC (Á Đông Japan) & Số ĐKLH VNDP-HC-486-04-15 **Ghi chú:** Dung dịch màu nâu sẫm pha nước cho nhũ trắng sữa, mùi nhẹ hết sau ~30 phút thông gió, không hoen ố tường vách.

Mở SDS (.pdf) | Mở TDS (.pdf) | Phiếu Nhãn Đối Chiếu A4 (.pdf)

ẢNH SẢN PHẨM THỰC TẾ



NHÃN THỰC TẾ BAO BÌ



HỒ SƠ PHÊ DUYỆT NỘI BỘ

Hạng C — Phê duyệt chuyên biệt (Cấm tạp vụ)

Mã số: SAH-APR-PCS-09

Tình trạng: Phê duyệt chuyên biệt (Hạng C)

Người phê duyệt: Ms. Mỹ Anh — Giám đốc Điều hành & Bộ phận Kỹ thuật An toàn Hóa chất (HSE), SONGANHHYG

Hiệu lực: 2026-01-01 (12 tháng/lần (hoặc ngay khi Syngenta VN cập nhật SDS/ĐKLH))

Người được cấp: Chỉ Kỹ thuật viên Kiểm soát Côn trùng đã đào tạo SAH-CHM-08 & có Lệnh công tác (CẤM tạp vụ sử dụng)

SAH-APR-PCS-09

Syngenta · Vương quốc Bỉ / Châu Âu (SX: Syngenta Chemical B.V, Seneffe, Belgium; ĐK: Công ty TNHH Syngenta Việt Nam, Đồng Nai)

Số ĐKLH: VNDP-HC-023-10-15 (Bộ Y tế — Cục Quản lý Môi trường Y tế, 070.20R/GCN)

Icon® 2.5CS

Phân nhóm: Mục 2: Hóa chất diệt côn trùng

Hoạt chất & Số CAS	**Lambda-Cyhalothrin 2.5% w/v (25 g/L) công nghệ vi nang iCAP™ phóng thích chậm (~1,5–2,5% w/w theo SDS Syngenta VN)** · CAS: 91465-08-6; 128601-23-0 · Dạng thuốc: **CS (Huyền phù vi nang / Capsule Suspension công nghệ iCAP™ — không mùi, không gây hoen ố, pH 4–8)**
Số ĐKLH & Phân loại GHS	VNDP-HC-023-10-15 (Bộ Y tế – Cục Quản lý Môi trường Y tế, 070.20R/GCN) · **Danger (Nguy hiểm)** Acute Tox. Inhalation Cat. 4, Resp. Sens. Cat. 1, Skin Sens. Cat. 1, Carc. Cat. 2, Aquatic Acute/Chronic Cat. 1 (theo SDS Syngenta VN v1.0)
Quy cách đóng gói	Chai nhựa HDPE trắng 1 Lít (1000 mL) có nắp đong chia vạch, hạn dùng 2 năm
Đối tượng diệt trừ	Muỗi (tồn lưu 6 tháng), kiến, gián (1 tháng), rệp giường (2 tháng)
Liều pha & Khóa định lượng	**Phun tồn lưu muỗi/kiến/gián: Pha 20–30 mL/1 Lít nước sạch, phun 40 mL/m² (20–30 mg a.i./m²); Phun xử lý rệp giường: 30 mL/1 Lít nước (40 mL/m² vào khe kẹt, chân giường); Tẩm màn/rèm: 0,6–0,8 mL + 42 mL nước cho 1 m² màn** · *Nắp đong chia vạch gắn trên cổ chai Syngenta chính hãng cho bình phun áp lực thấp vòi quạt dẹt*
Khu vực ĐƯỢC PHÉP	Tường vách, gầm tủ, khung cửa, khe chân tường văn phòng, khách sạn, bệnh viện, trường học (ngoài giờ), tấm màn/rèm
Khu vực BỊ CẤM / Hạn chế	**KHÔNG phun lên tấm trải giường, gối, nệm, quần áo (khi xử lý rệp); KHÔNG phun lên thực phẩm, nguồn nước, bể cá và khi có người/vật nuôi trong phòng**
PPE & Thời gian cách ly	Kính bảo hộ chống văng bắn, mặt nạ/khẩu trang lọc hơi & hạt đạt chuẩn (do nhạy cảm hô hấp Cat. 1), găng tay Nitrile/cao su, áo bảo hộ dài tay · Cách ly: **Cách ly người và vật nuôi cho đến khi bề mặt phun khô hoàn toàn, hoặc ít nhất 01 giờ (60 phút) sau khi phun**
Giải độc & Sơ cứu	Không có thuốc giải độc đặc hiệu (điều trị triệu chứng; luôn mang theo chai thuốc/nhãn hoặc SDS S1404112053). Hít phải: Đưa ra nơi thoáng lành, hô hấp nhân tạo nếu ngừng thở, gọi cấp cứu ngay. Da/Mắt: Rửa nhiều nước >= 15 phút. Nuốt: Súc miệng, không tự gây nôn, gọi ngay y tế / Syngenta VN (028) 3775 6288.
Nguồn hồ sơ SDS / TDS	SDS: Tài liệu gốc NSX/NPP TDS: Bản chuẩn hóa TV từ dữ liệu NSX **SDS:** Bản PDF SDS gốc tiếng Việt từ Nhà sản xuất (Công ty TNHH Syngenta Việt Nam — Mã S1404112053, Ver 1.0 ngày 23/05/2023) **TDS:** Bản chuẩn hóa Thông số Kỹ thuật (TDS) SONGANHHYG tổng hợp từ Giấy chứng nhận VNDP-HC-023-10-15, Nhãn chai Icon 2.5CS & SDS Syngenta VN **Ghi chú:** Công nghệ vi nang iCAP™ kiểm soát muỗi kháng thuốc hiệu lực tới 6 tháng, không mùi, không gây vết ố trên sơn nước hoặc vải rèm.

Mở SDS (.pdf) | Mở TDS (.pdf) | Phiếu Nhãn Đối Chiếu A4 (.pdf)